

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2019.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng,
2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1983. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Ngh, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Q trình bày: Bà và ông Ngh cưới nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được chín năm. Đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông Ngh uống rượu về chửi bới, đánh đập Bà nhiều lần. Bà có khuyên nhưng ông Ngh không thay đổi. Bà và ông Ngh sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Bà yêu cầu ly hôn với ông Ngh.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà và ông Ngh có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/2001, đã trưởng thành và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 28/02/2008, hiện đang sinh sống với Bà. Khi ly hôn, Bà yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Bà Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông Ngh vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức Ngh; ông Ngh có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Ngh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông Ngh chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà Q và ông Ngh không được xem là hôn nhân hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Trong quá trình chung sống, bà Q cho rằng năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông Ngh uống rượu về chửi bới, đánh đập Bà nhiều lần. Bà có khuyên nhưng ông Ngh không thay đổi. Bà và ông Ngh sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Bà yêu cầu ly hôn với ông Ngh.

Đối với ông Ngh, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà Q nhưng ông Ngh không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngh vẫn vắng mặt, chứng tỏ Ông không có thiện chí để hàn gắn. Do bà Q và ông Ngh chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng Q và ông Nguyễn Đức Ngh là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Quá trình chung sống, Bà và ông Ngh có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/2001, đã trưởng thành và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 28/02/2008, hiện đang sinh sống với Bà. Khi ly hôn, Bà yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng. Đối với ông Ngh, dù đã được thông báo về yêu cầu của bà Q đối với con chung nhưng ông Ngh không đến Tòa án cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án. Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển bình thường và theo nguyện vọng của cháu Như thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho bà Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Ngh không cấp dưỡng nuôi con, do bà Q không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Ngh không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Q đối với ông Nguyễn Đức Ngh về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng Q và ông Nguyễn Đức Ngh là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Q được quyền tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 28/02/2008, hiện đang sinh sống với bà Q. Ông Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Q không có yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004525 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà Q đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn